



HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM

62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân cư Himlam,

Phường Tân Hưng, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498

Website: www.vietfood.org.vn

Email: info@vietfood.org.vn

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 08 năm 2026

BẢN TIN SỐ 1567

(Lưu hành nội bộ)

BẢN TIN TRONG TUẦN

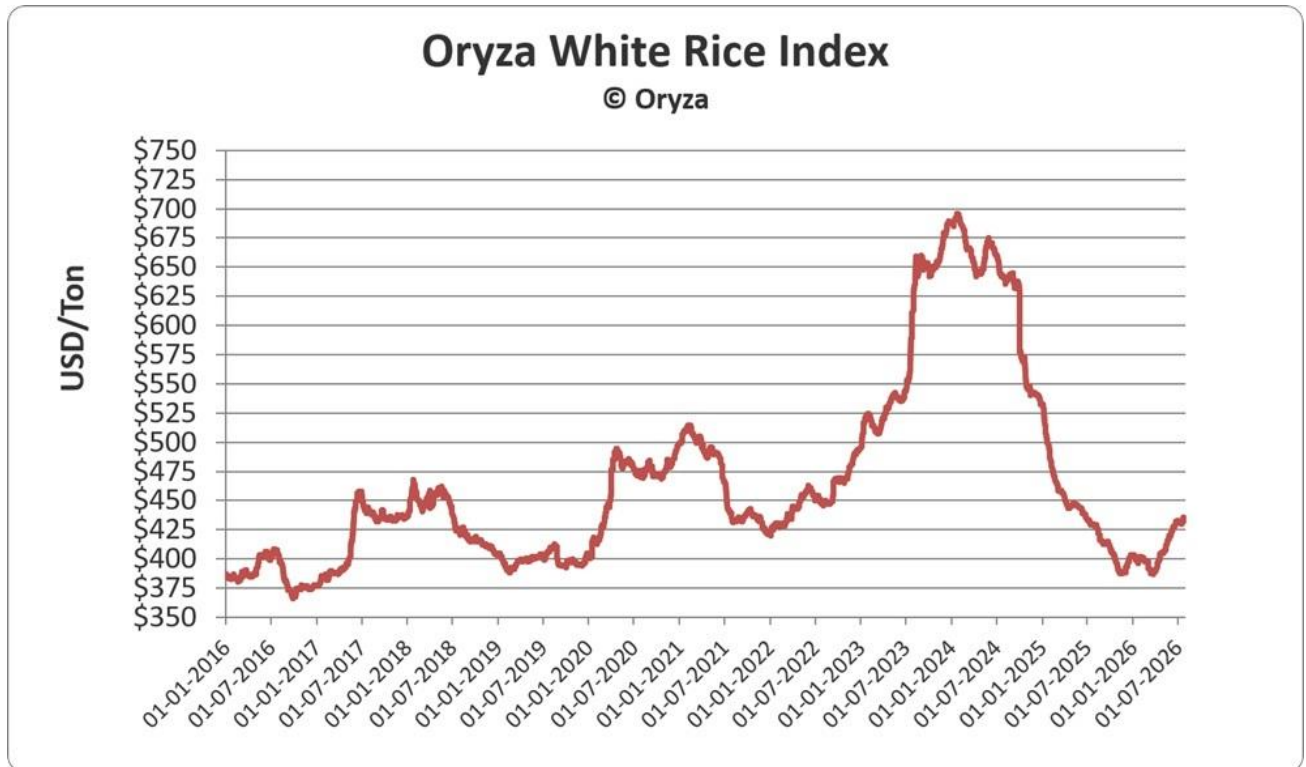
(Từ ngày 28/07/2026 đến ngày 03/08/2026)

AI THI TRƯỜNG GAO THẾ GIỚI:

I. GIÁ GẠO TRONG TUẦN: (Nguồn Oryza.com)

Bảng giá gạo thế giới: (USD/MT, FOB)

QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	28 – 07		29 – 07		30 – 07		31 – 07	
		max	min	max	min	max	min	max	min
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	460	464	464	468	464	468	464	468
	5% tấm	454	458	453	457	453	457	453	457
	25% tấm	424	428	423	427	423	427	423	427
	Hom Mali 92%	1147	1151	1147	1151	1147	1151	1147	1151
	Gạo đỏ 100% Stxd	460	464	461	465	461	465	461	465
	A1 Super	384	388	383	387	383	387	382	386
VIỆT NAM	5% tấm	428	432	431	435	431	435	431	435
	25% tấm	393	397	395	399	395	399	395	399
	Gạo thơm 5% tấm	500	510	500	510	500	510	500	510
	Jasmine	546	550	547	551	547	551	546	550
	100% tấm	360	364	360	364	360	364	362	366
ẤN ĐỘ	5% tấm	363	367	364	368	362	366	361	365
	25% tấm	351	355	350	354	349	353	350	354
	Gạo đỏ 5% Stxd	364	368	366	370	366	370	363	367
	100% tấm Stxd	290	294	291	295	291	295	291	295
PAKISTAN	5% tấm	401	405	399	403	399	403	399	403
	25% tấm	377	381	376	380	376	380	376	380
	100% tấm Stxd	312	316	311	315	311	315	310	314
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	466	470	466	470	466	470	466	470
MỸ	4% tấm	533	537	533	537	533	537	533	537
	15% tấm (Sacked)	538	542	538	542	538	542	538	542
	Gạo đỏ 4% tấm	670	674	670	674	670	674	670	674
	Calrose 4%	895	899	895	899	895	899	895	899

II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:***Tổng quan thị trường:**

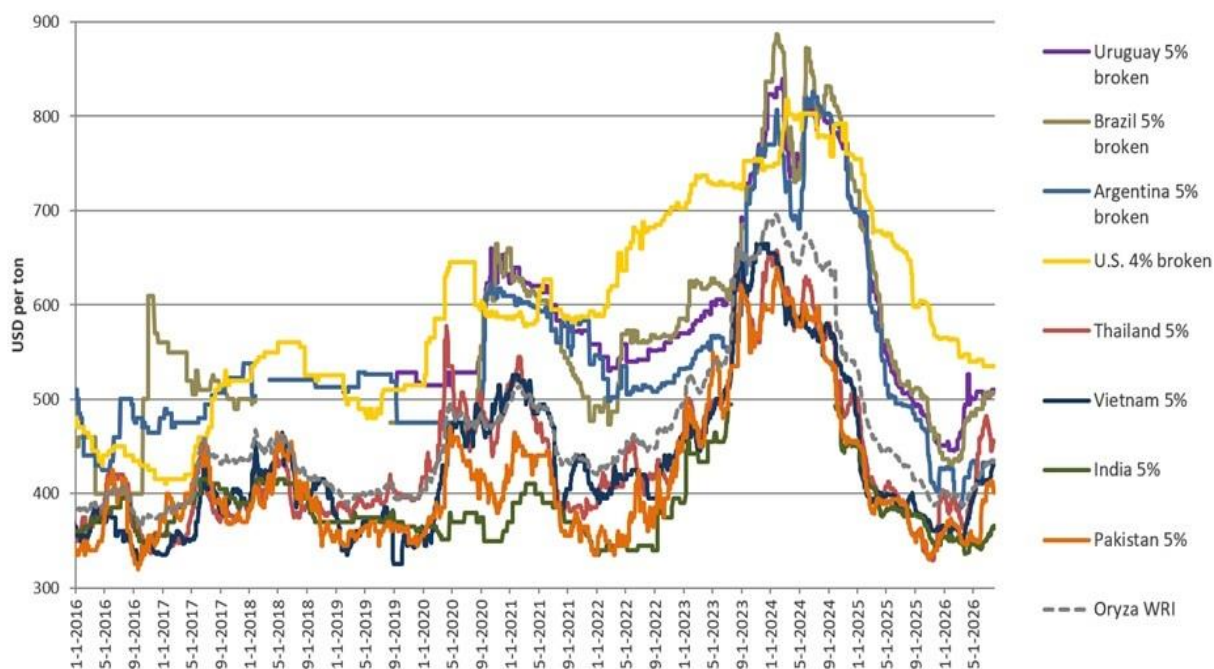
Chỉ số Gạo Trắng Oryza (WRI), chỉ số giá bình quân gia quyền gạo trắng xuất khẩu toàn cầu kết thúc tuần ở mức 434 USD/tấn, giảm 2 USD/tấn so với tuần trước và tăng 1 USD/tấn so với tháng trước, và tăng 5 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Hiện tượng El Niño đang gia tăng cường độ, làm dấy lên những lo ngại về sản lượng lúa gạo trên khắp châu Á khi lượng mưa thấp hơn mức bình thường đe dọa mùa màng tại các quốc gia sản xuất gạo chủ chốt, bao gồm Ấn Độ, Thái Lan, Việt Nam, Indonesia và Philippines.

Nông dân hiện cũng đang phải đối mặt với chi phí phân bón, nhiên liệu và tưới tiêu tăng cao sau cuộc xung đột giữa Iran và Israel, làm gia tăng nguy cơ giảm diện tích gieo trồng và sản lượng thu hoạch. Lượng gạo tồn kho ở mức kỷ lục của Ấn Độ sẽ tạo ra vùng đệm trong ngắn hạn. Tuy nhiên, nếu mùa mưa gió mùa diễn biến bất lợi, sản lượng lúa gạo của nước này vẫn có thể suy giảm và thậm chí có thể dẫn đến việc áp dụng các biện pháp hạn chế xuất khẩu, qua đó tác động đáng kể đến giá gạo trên thị trường thế giới. Mặc dù lượng tồn kho gạo toàn cầu hiện vẫn ở mức gần kỷ lục và có thể góp phần hạn chế những đợt tăng giá mạnh, nhưng nếu tình trạng thời tiết bất lợi kéo dài hoặc các chính sách hạn chế thương mại được áp dụng, nguồn cung gạo có thể bị thắt chặt, làm gia tăng lạm phát lương thực và rủi ro mất an ninh lương thực đối với các quốc gia nhập khẩu.

Global Rice Export Quotes

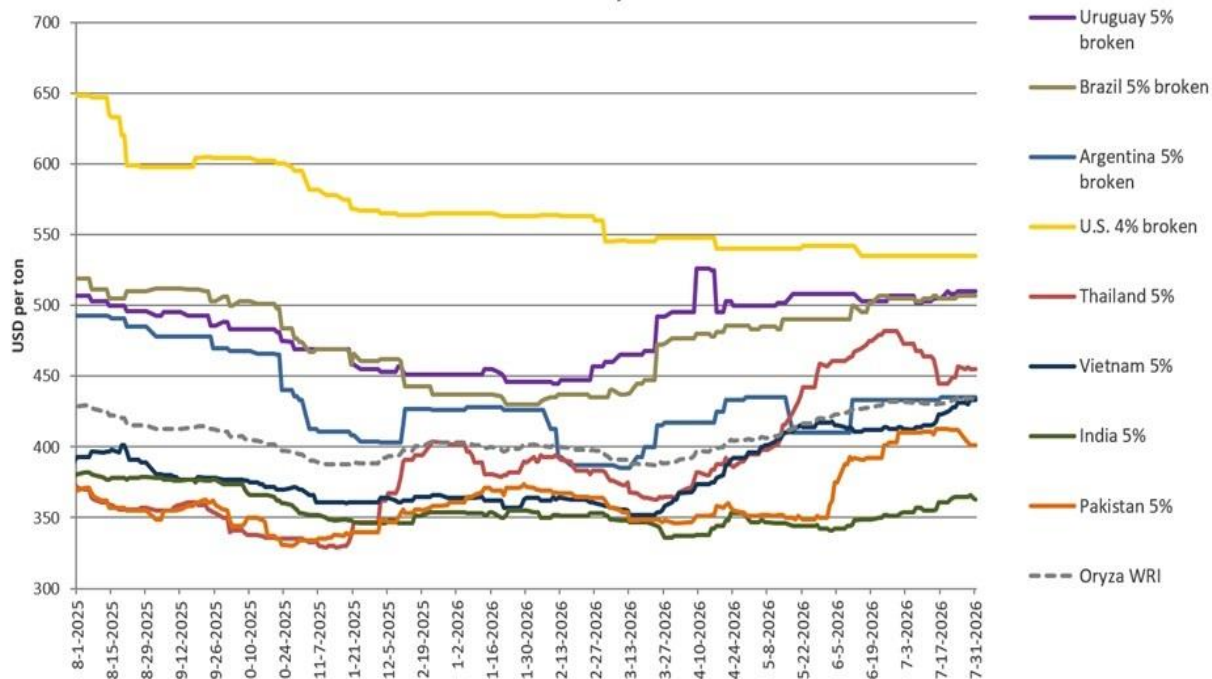
© Oryza

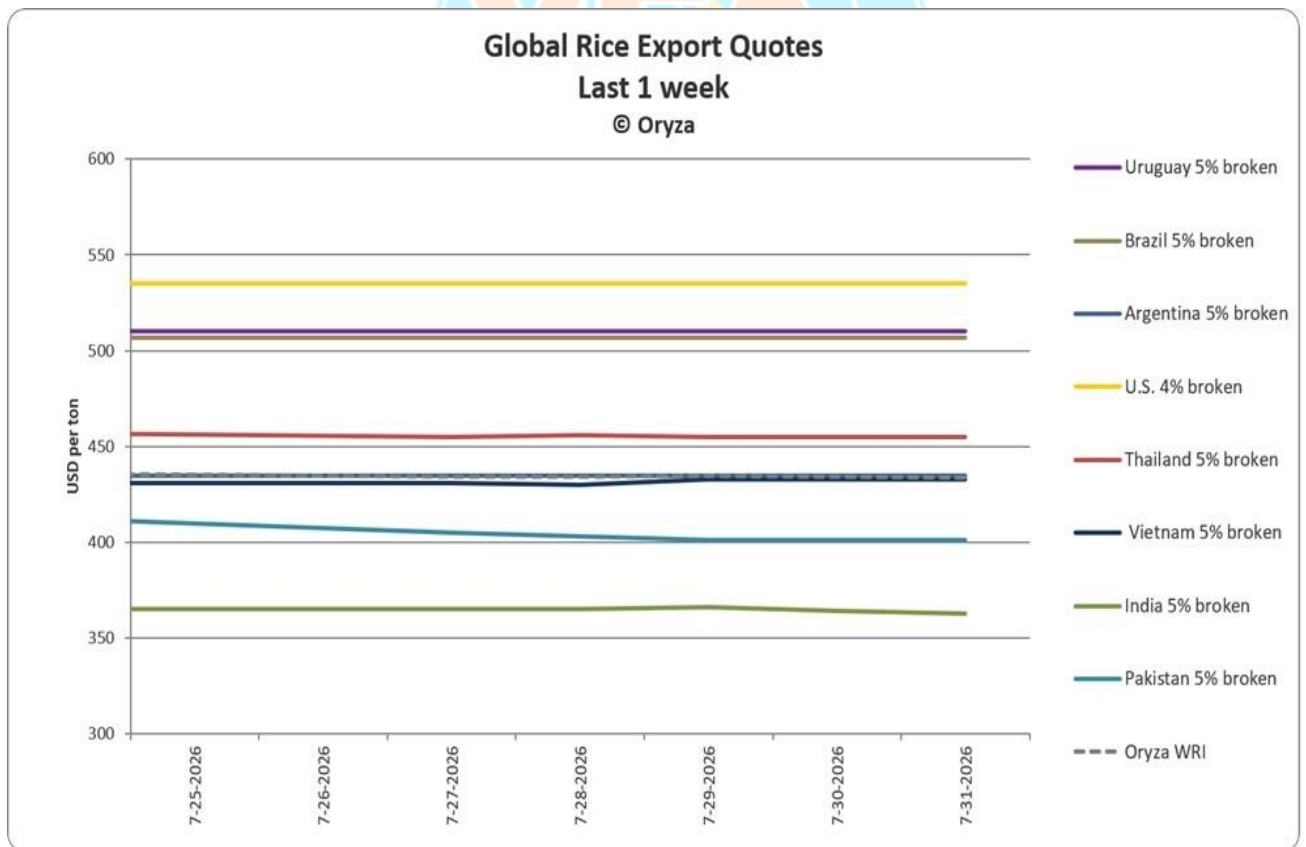
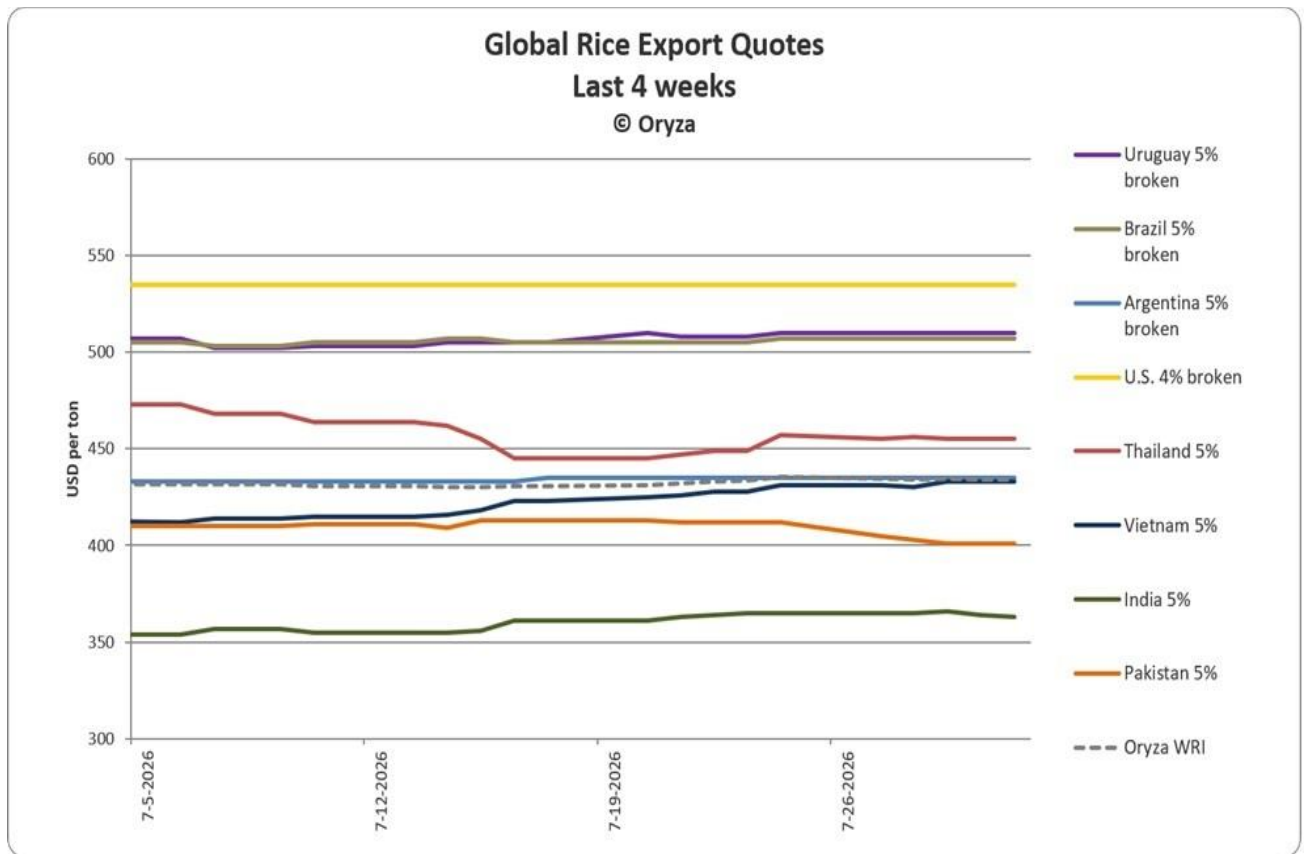


Global Rice Export Quotes

Last 12 months

© Oryza





Indonesia

Sản lượng gạo của Indonesia được dự báo sẽ giảm nhẹ trong niên vụ 2026/27 do mùa khô đến sớm hơn, kéo dài và khô hạn hơn dưới tác động của hiện tượng El Niño dự kiến xảy ra. Điều này làm giảm diện tích thu hoạch và sản lượng khi một bộ phận nông dân chuyển sang trồng ngô hoặc để đất bỏ hoang do thiếu nước.

Trong khi tiêu thụ gạo được dự báo duy trì ổn định ở mức 36,2 triệu tấn, giá gạo trong nước ở mức cao cùng với sức mua suy yếu đang khiến các hộ gia đình có thu nhập thấp chuyển sang sử dụng các loại thực phẩm thay thế rẻ hơn như mì ăn liền.

Để bù đắp lượng sản xuất giảm và lượng tồn kho chuyển sang niên vụ sau thu hẹp, nhập khẩu gạo được dự báo tăng mạnh lên 500.000 tấn, so với 150.000 tấn của năm trước, trong khi xuất khẩu vẫn ở mức rất thấp.

Do đó, mức độ tự chủ về gạo của Indonesia được dự báo sẽ suy giảm nhẹ, với lượng tồn kho cuối kỳ giảm xuống còn 2,6 triệu tấn, từ mức 4,0 triệu tấn.

Để ứng phó, Chính phủ Indonesia dự kiến tăng cường bảo đảm an ninh lương thực thông qua các biện pháp như gieo mây tạo mưa, cải thiện hệ thống thủy lợi, mở rộng diện tích đất có tưới và tăng nhập khẩu gạo nhằm ổn định nguồn cung và giá cả trong nước.

Indonesia sẽ bắt đầu phân phối 997.200 tấn gạo cho hơn 33 triệu hộ gia đình có thu nhập thấp từ tháng 8 nhằm kiềm chế lạm phát lương thực và giá gạo tăng trong bối cảnh El Niño diễn biến mạnh hơn đe dọa sản xuất nông nghiệp.

Chính phủ đã bố trí 17,25 nghìn tỷ rupiah (khoảng 954 triệu USD) cho chương trình này, kéo dài 5 tháng trong năm 2026, tăng so với 4 tháng của năm trước. Nguồn gạo sẽ được lấy từ kho dự trữ 5,25 triệu tấn của Bulog.

Mặc dù giá gạo đã tăng hơn 3% từ đầu năm đến nay và sản lượng trong nước được dự báo hầu như không thay đổi, nhiều nông dân đã ghi nhận thiệt hại mùa vụ tại các khu vực có hệ thống thủy lợi kém, khiến một số người chuyển sang trồng các loại cây cần ít nước hơn như ngô và sắn.

Philippines

Chương trình Quỹ Nâng cao năng lực cạnh tranh ngành lúa gạo (RCEF) về cơ giới hóa của Philippines đang cải thiện đáng kể hoạt động sản xuất lúa thông qua việc giảm chi phí lao động, nâng cao năng suất và tăng thu nhập cho nông dân.

Theo PHILMech, chương trình tạo thêm khoảng 2,66 tỷ peso Philippines thu nhập mỗi năm; nông dân tiết kiệm khoảng 2 peso/kg lúa và tăng thêm khoảng 9.000 peso/ha thu nhập.

Chương trình cũng giúp giảm tổn thất sau thu hoạch khoảng 31.841 tấn gạo mỗi năm, tương đương tiết kiệm khoảng 541,3 triệu peso.

Chỉ trong 6 tháng đầu năm 2026, đã có 1.731 máy nông nghiệp được bàn giao, nâng tổng số máy được cung cấp từ năm 2019 lên 34.721 máy.

Nhờ đó, mức độ cơ giới hóa sản xuất lúa của Philippines đã tăng lên 2,81 mã lực/ha vào cuối năm 2025, tiến gần mục tiêu 3,40 mã lực/ha, đồng thời góp phần giải quyết tình trạng thiếu lao động, giảm thất thoát và nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành lúa gạo Philippines.

Ruộng bậc thang Ifugao có lịch sử hàng trăm năm tại Philippines, Di sản Thế giới được UNESCO công nhận, đang ngày càng chịu nhiều tác động của biến đổi khí hậu. Lượng mưa lớn hơn, hạn hán kéo dài, sạt lở đất và sự thay đổi quy luật mưa đang làm hư hỏng các bờ ruộng bậc thang, làm gián đoạn hệ thống thủy lợi và giảm năng suất lúa.

Úc

Ngành lúa gạo Úc được dự báo sẽ suy giảm mạnh trong niên vụ 2026/27 do nguồn nước tưới giảm sau hai năm lượng nước đổ vào các hồ chứa thấp và nguy cơ El Niño gia tăng, làm hạn chế đáng kể sản lượng.

Theo dự báo của Cơ quan trực thuộc USDA tại Canberra, sản lượng gạo xay xát chỉ đạt 79.000 tấn, tương đương khoảng 1/4 mức bình quân 10 năm.

Mặc dù sản lượng giảm, tiêu thụ gạo trong nước được dự báo vẫn ổn định ở mức 370.000 tấn, trong khi nhập khẩu tăng lên 320.000 tấn để bù đắp thiếu hụt nguồn cung.

Trong khi đó, xuất khẩu dự kiến giảm xuống 30.000 tấn do nguồn cung trong nước hạn chế được ưu tiên cho thị trường nội địa.

Tồn kho cuối kỳ được dự báo ở mức 30.000 tấn, phản ánh nguồn cung thắt chặt hơn và sự phụ thuộc ngày càng tăng của Úc vào gạo nhập khẩu để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng.

Nhật Bản

Nhật Bản đã phân bổ toàn bộ 1.240 tấn hạn ngạch gạo được chào bán trong đợt đấu thầu nhập khẩu SBS lần thứ hai theo Hiệp định CPTPP cho năm tài chính 2026/27.

Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Nhật Bản (MAFF) đã chấp thuận toàn bộ 4 hồ sơ dự thầu, với toàn bộ khối lượng là gạo tẻ hạt trung bình đã xay xát.

Giá mua bình quân gia quyền đạt 201.096 yên/tấn (chưa bao gồm thuế), trong khi giá bán bình quân gia quyền là 265.896 yên/tấn (đã bao gồm thuế).

Đợt đấu thầu này là một phần trong các cam kết nhập khẩu gạo theo hạn ngạch riêng của Nhật Bản trong khuôn khổ CPTPP, gồm 11 quốc gia thành viên khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Mỹ Latinh

Uruguay, giá gạo 5% tấm hiện được chào bán ở mức khoảng 510 USD/tấn, không đổi so với tuần trước, tăng khoảng 3 USD/tấn so với tháng trước và tăng khoảng 3 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Argentina, giá gạo 5% tấm của hiện ở mức khoảng 435 USD/tấn, không đổi so với tuần trước, tăng khoảng 2 USD/tấn so với tháng trước và giảm khoảng 58 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Brazil, giá gạo 5% tấm của hiện ở mức khoảng 507 USD/tấn, không thay đổi so với tuần trước, tăng khoảng 2 USD/tấn so với tháng trước và giảm khoảng 12 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Hoa Kỳ

Giá gạo 4% tấm của Hoa Kỳ hiện được chào bán ở mức khoảng 535 USD/tấn, không đổi so với tuần trước và tháng trước, nhưng giảm khoảng 113 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) doanh số bán gạo xuất khẩu ròng của Hoa Kỳ trong niên vụ 2025/26 đạt 9.500 tấn trong tuần kết thúc ngày 23/7, chủ yếu nhờ các đơn hàng từ Mexico (6.700 tấn), Jordan (1.700 tấn), Saudi Arabia (800 tấn) và Canada (100 tấn), sau khi bù trừ với các khoản điều chỉnh giảm từ các khách hàng khác.

Trong cùng tuần, các doanh nghiệp Hoa Kỳ đã xuất khẩu 16.400 tấn gạo, trong đó Haiti là thị trường lớn nhất với 7.100 tấn, tiếp theo là Canada (2.900 tấn), Mexico (2.700 tấn), Jordan (1.700 tấn) và Saudi Arabia (900 tấn).

Liên minh châu Âu

Ngành lúa gạo **Italy** đang chịu áp lực ngày càng lớn khi giá lúa tại trang trại giảm, lượng gạo nhập khẩu giá rẻ từ ngoài EU gia tăng và tình trạng hạn hán ngày càng nghiêm trọng, đe dọa lợi nhuận của nông dân cũng như vị thế của nước này là quốc gia sản xuất gạo lớn nhất châu Âu.

Khoảng 20.000 ha ruộng lúa tại các vùng Vercelli và Biella hiện đã không còn được cung cấp nước tưới, làm gia tăng lo ngại về thiệt hại sản lượng và thúc đẩy các lời kêu gọi Chính phủ ban bố tình trạng khẩn cấp.

Nông dân cảnh báo rằng áp lực tài chính kéo dài có thể buộc người sản xuất chuyển sang các loại cây trồng có lợi nhuận cao hơn, làm suy yếu một ngành sản xuất có ý nghĩa lịch sử lâu đời.

Để ứng phó, tổ chức Liên đoàn Tổng thể Nông nghiệp Ý (Confagricoltura) kêu gọi Chính phủ tăng cường giám sát nhập khẩu, cải thiện công tác quản lý nguồn nước, hỗ trợ lưu kho và lập kế hoạch sản xuất, đồng thời tăng cường hợp tác trong toàn chuỗi cung ứng nhằm khôi phục năng lực cạnh tranh của ngành.

Châu Phi

Madagascar đã tái áp thuế đối với gạo nhập khẩu theo Luật Ngân sách sửa đổi năm 2026, nhằm giảm phụ thuộc vào gạo nhập khẩu và hỗ trợ sản xuất trong nước. Theo đó, gạo nhập khẩu cao cấp chịu mức thuế nhập khẩu 20% và thuế giá trị gia tăng (VAT) 5%.

Động thái này được đưa ra trong bối cảnh Madagascar đã nhập khẩu khoảng 408.667 tấn gạo trong 6 tháng đầu năm 2026, trong đó gạo chất lượng cao chiếm 90% tổng lượng nhập khẩu.

Trong khi đó, sản lượng gạo của Madagascar được dự báo tăng lên 5,17 triệu tấn trong năm 2026, so với 4,68 triệu tấn của năm 2025, phản ánh những nỗ lực nhằm gia tăng sản lượng lúa gạo trong nước.

III. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:

Ấn Độ

Giá gạo tằm 5% tằm tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 363 USD/tấn, giảm 2 USD/tấn so với tuần trước, tăng 11 USD/tấn so với tháng trước tuy nhiên giảm 17 USD/tấn so với cùng kỳ.

Thị trường gạo kết thúc tuần trầm lắng. Giá chào xuất khẩu gạo trắng của một số thương nhân giảm nhẹ do nguồn cung phục hồi. Thị trường gạo đồ 5% tằm duy trì ổn định, các thương nhân cho biết nhu cầu đối phân khúc này đang gia tăng. Tuy nhiên, chi phí vận chuyển container ở mức cao đã làm giảm cạnh tranh, tạo cơ hội cho các nước xuất khẩu khác.

Lũy kế xuất khẩu gạo 6 tháng đầu năm 2026 ước đạt 12,27 triệu tấn, tăng khoảng 5% so với cùng kỳ năm ngoái, nhờ nhu cầu đối với gạo phi basmati từ các nước châu Phi tăng mạnh. Trong khi xuất khẩu gạo phi basmati ghi nhận mức tăng khoảng 9,6%, phân khúc gạo basmati đã giảm khoảng 5,5% so với cùng kỳ do xung đột địa chính trị đã làm gián đoạn hoạt động thương mại tại các nước khu vực vùng Vịnh nói chung và Iran nói riêng.

Thái Lan

Giá gạo trắng 5% tám tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 455 USD/tấn, giảm 2 USD/tấn so với tuần trước, giảm 25 USD/tấn so với tháng trước và tăng 81 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Thị trường tuần qua ghi nhận xu hướng giảm nhẹ do nhu cầu mua tiếp tục chậm, gây áp lực lên giá gạo xuất khẩu. Tỷ giá đồng bath Thái tiếp tục mạnh hơn so với đồng USD. Giá gạo trắng 5% tám và tám trong nước tuần qua giảm nhẹ, gạo đồ duy trì ổn định. Một số thương nhân cho biết nhiều khách hàng thận trọng trong giao dịch và đang chờ nguồn cung gạo thơm Hom Mali vụ mới.

Các doanh nghiệp cho biết một phần một phần lượng gạo vốn xuất khẩu sang Iraq được chuyển hướng đi qua Thổ Nhĩ Kỳ do những biến động vận tải gần đây. Xu hướng xuất khẩu gián tiếp này được dự báo sẽ tiếp tục trong thời gian tới. Dù nhập khẩu trực tiếp từ Iraq có thể dần khôi phục, nhưng dự báo khối lượng sẽ thấp hơn trước.

Pakistan

Giá gạo tám 5% tám tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 401 USD/tấn, giảm 11 USD/tấn so với tuần trước, giảm 9 USD/tấn so với tháng trước và tăng 29 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Thị trường gạo trắng tuần qua trầm lắng. Nguồn cung từ vụ cũ còn hạn chế và nhu cầu quốc tế tiếp tục chậm. Dù vậy, các thương nhân xuất khẩu cho biết giá vẫn ổn định ở mức cao do chi phí thu mua trong nước tăng. Hoạt động giao dịch gạo trắng 100% tám sôi động hơn khi các doanh nghiệp xuất khẩu tiếp tục ghi nhận nhu cầu từ khách hàng Trung Quốc.

Thị trường gạo basmati tiếp tục ảm đạm. Một số doanh nghiệp xuất khẩu cho biết hoạt động thương mại với Iran đang góp phần hỗ trợ cho thị trường basmati của nước này, nhưng nhìn chung giao dịch vẫn còn hạn chế.

Miến Điện

Giá gạo xuất khẩu kết thúc tuần tiếp tục duy trì ở mức cao. Một số nhà xuất khẩu cho biết ghi nhận nhu cầu từ Philippines. Thị trường cho biết giá lúa gạo trong nước vẫn ở mức cao do nguồn cung gạo hạt dài trên thị trường còn hạn chế.

Hoạt động giao dịch gạo tám vẫn trầm lắng, nhu cầu từ Trung Quốc tiếp tục yếu. Tuy nhiên, nhu cầu trong nước phục vụ ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi và ngành sản xuất đồ uống có cồn đã góp phần hỗ trợ thị trường.

IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:

Ngoại tệ	28 - 07	29 - 07	30 - 07	31 - 07	03 - 07
Trung Quốc (CNY/USD)	6,77	6,77	6,77	6,76	6,75
Châu Âu (EUR/USD)	0,88	0,88	0,88	0,87	0,87
Indonesia Rupiah (IDR/USD)	18.072,82	18.086,60	18.070,54	18.032,64	17.973,00
Malaysia Ringgit (MYR/USD)	4,09	4,09	4,09	4,09	4,10
Philippines Peso (PHP/USD)	61,70	61,47	61,43	61,35	60,93
Hàn Quốc (KRW/USD)	1.467,81	1.453,49	1.447,07	1.424,33	1.430,87
Nhật Bn Yen (JPY/USD)	163,70	163,67	163,87	159,45	156,97
Ấn Độ Rupee (INR/USD)	95,89	95,56	95,77	95,47	95,31
Miến Điện (MMK/USD)	2.100,18	2.099,36	2.099,84	2.099,79	2.099,67
Pakistan Rupees (PKR/USD)	277,79	277,74	277,69	277,76	277,71
Thái Lan Baht (THB/USD)	33,62	33,46	33,58	33,37	33,43
Việt Nam Đồng (VND/USD)	26.345,11	26.334,92	26.341,45	26.275,71	26.287,66

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:**I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:***** Tiến độ sản xuất:**

Tính đến ngày 03/08/2026, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & Môi trường, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

Vụ Hè Thu 2026 xuống giống với diện tích 1,243 triệu ha, đã thu hoạch được khoảng 376 ngàn tấn với năng suất khoảng 61,68 tạ/ha, sản lượng ước đạt 2,32 triệu tấn lúa.

Vụ Thu Đông 2026 đã xuống giống 210 ngàn ha/640 ngàn ha diện tích kế hoạch, đạt gần 33%.

II. BẢNG TÀU ĐANG XẾP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:

Từ ngày 01/08 – 03/08/2026 có 01 tàu vào cảng Hồ Chí Minh xếp hàng với số lượng dự kiến 4.100 tấn gạo các loại.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	An Thịnh Phú 08	HCM	21/07/2026	6.300	Malaysia
2	Quang Minh 6	HCM	27/07/2026	4.500	Malaysia

Bản tin 1567 (Từ Ngày 28/07/2026 Đến Ngày 03/08/2026)

3	Phú An 368	HCM	28/07/2026	4.750	Malaysia
4	Nova	HCM	29/07/2026	48.000	Châu phi
5	Phú An 389	HCM	30/07/2026	5.000	Philippines
6	New Xa La	HCM	03/08/2026	4.100	Malaysia
Tổng				72.650	



III. GIÁ LÚA/GAO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	30/07	+/-	30/07	+/-	30/07	+/-	30/07	+/-	30/07	+/-	30/07	+/-	30/07	+/-		
<u>Lúa Tươi Tại Ruộng</u>																
Hạt dài	6.750	+100	6.600	-50	6.550	-125	6.750	+100	6.900	-50	6.900	-50	6.850	-	6.900	6.757
Lúa thường	6.350	-	6.350	+50	6.350	-50	6.325	+75	6.350	+25	6.350	-50	6.350	-	6.350	6.346
<u>Lúa Khô/Uớt Tại Kho</u>																
Hạt dài	8.150	+100	8.050	-50	8.000	-195	8.200	-50	8.750	-			8.850	-	8.850	8.333
Lúa thường	7.950	+100	7.750	+50	7.550	-	7.650	-	8.200	-			8.350	-	8.350	7.908
<u>Gạo Nguyên Liệu</u>																
Lứt loại 1	9.850	+300	10.350	+100	10.350	-100	10.350	+100	10.325	-25			10.650	-200	10.650	10.313
Lứt loại 2	9.750	+300	9.650	+300	9.600	-	9.750	+100	9.850	+400	9.850	+200	9.750	+300	9.850	9.743
Xát trắng loại 1			11.950	+400			11.450	-	10.725	-275	11.950	-	11.850	-100	11.950	11.585
Xát trắng loại 2			10.750	+400			10.900	+250	10.850	+350	10.900	+250	10.750	+100	10.900	10.830
<u>Phụ Phẩm</u>																
Tấm 1/2	8.050	+400	8.550	+200	8.350	+150	8.450	+300	8.675	+450	8.675	+325	8.550	+200	8.675	8.471
Tấm 2/3			8.350	+200	8.350	+150			8.425	+275			8.150	+100	8.425	8.319
Tấm 3/4	7.850	+500	8.150	+200	8.250	+100							8.050		8.250	8.075
Cám xát	7.850	+300	7.800	-50	7.800	-100	7.850	+100	8.000	-50	8.000	-50	7.850	-	8.000	7.879
Cám lau	7.850	+300	7.750	-	7.800	-100	7.850	+100	8.000	-50	8.000	-50	7.950	-	8.000	7.886
<u>Gạo TPXK Không Bao Tại Man</u>																
5%	11.400	+300	11.000	+400	11.400	+100	11.300	+200	10.700	-250	11.400	+100	11.150	+100	11.400	11.193
10%			10.900	+400					10.700	-			11.050		11.050	10.883
15%	11.200	+300	10.800	+400	11.200	+100	11.100	+200	10.500	-	11.200	+100	10.850	+100	11.200	10.979
20%									10.200	-					10.200	10.200
25%	11.000	+300	10.200	+600	11.000	+100	10.900	+200	9.900	-	11.000	+100	10.550	+100	11.000	10.650
